

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh

Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các mặt hàng hoá vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, sinh phẩm và hoá chất xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026.

Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng kính mời các Quý đơn vị sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh quan tâm và tham gia báo giá với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng .

2. Danh mục hàng hoá mời báo giá:

- Danh mục vật tư y tế tiêu hao: 55 mặt hàng.
- Danh mục khí oxy y tế và vật tư liên quan: 03 mặt hàng.
- Danh mục sinh phẩm và hoá chất xét nghiệm: 34 mặt hàng.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo).

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ ngày 07 tháng 11 năm 2025 đến hết ngày 17/11/2025.

Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.

4. Địa chỉ nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: Khoa Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng; Địa chỉ: Tổ 05, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng (Chi tiết vui lòng liên hệ: dược sĩ Tống Thị Bé, số điện thoại: 0919908689)

- Nhận qua email: bvdkydctphcn@gmail.com

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp chịu trách nhiệm về giá chào phù hợp với các quy định của pháp luật về giá và các quy định hiện hành khác, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực. Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc BV;
- Hội đồng KHKT BV;
- Hội đồng mua sắm;
- Đăng tải trên Hệ thống đấu thầu QG;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Bình

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Thư mời số /TM-ĐKYDCT, ngày 07 tháng 11 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Băng cuộn 10cm x 5 m	Được dệt tối thiểu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, mềm mại. - Sản phẩm màu trắng, không mốc, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Độ pH: Trung tính - Tốc độ hút nước: ≤5 giây. - Độ ngậm nước: ≥5gr nước/ 1gr gạc. - Kích thước: ≥ (10cm x 5m) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cuộn	100
2	Băng keo cá nhân	Băng vải Viscose và Polyamide cơ giãn, không thấm nước. Gạc thấm dịch màu trắng, gồm bông và phủ bởi lớp chống dính Polyethylene không gây dính, gạc thấm hút tốt. Keo oxyd kẽm không dùng dung môi, không gây kích ứng da. Kích thước: 19mm x 72mm (± 20%). - Quy cách đóng gói: Hộp 102 miếng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	80
3	Băng keo cuộn lụa 2.5cm x 5m	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, định lượng 63-69g/m ² , mật độ sợi ngang 159-173 dtex, mật độ sợi dọc 80-88 dtex nhẹ nhàng và mềm mại, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic trọng lượng 60g poly acrylic/m ² , độ dính 540g/12mm ± 30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa xanh, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc. Kích thước: 2.5cm x 5m - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cuộn	750
4	Bộ dây truyền dịch	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	500
5	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml	Cái	15.000

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 		
6	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 	Cái	5.000
7	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 	Cái	40.000
8	Bóng đèn hồng ngoại	<ul style="list-style-type: none"> Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 	Cái	60
9	Bông y tế thấm nước 1kg	<ul style="list-style-type: none"> Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên (100%) cotton, có độ thấm hút cao. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi, không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm ≤5 giây Độ ẩm: ≤8%, Độ acid và độ kiềm: Trung tính. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 	Kg	150
10	Bột liền loại 10cm x 2m	<ul style="list-style-type: none"> Được làm từ bột thạch cao chất lượng tốt, độ tinh khiết cao. Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa, vải gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2-4 phút, tạo khung định hình nhẹ và chắc chắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 	Cuộn	10

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
11	Bột liền loại 20cmx2m	Được làm từ bột thạch cao chất lượng tốt, độ tinh khiết cao. Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa, vải gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2-4 phút, tạo khung định hình nhẹ và chắc chắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cuộn	10
12	Bột liền loại 5 cm x2m	Được làm từ bột thạch cao chất lượng tốt, độ tinh khiết cao. Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi bằng nhựa, vải gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2-4 phút, tạo khung định hình nhẹ và chắc chắn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cuộn	10
13	Chỉ không tan các cỡ	- Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid hoặc Polyamid, các loại, các số. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Sợi	60
14	Chỉ tan các cỡ (tự tiêu)	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin các loại, các cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Sợi	60
15	Cồn I iod 10% 120ml	- Povidon iodine 10%/120ml - Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	Chai	60
16	Cồn y tế Ethanol 70 độ	Cồn y tế đạt 70 độ. Trong suốt, không màu, có mùi cồn đặc trưng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015	Lít	600
17	Cồn y tế Ethanol 90 độ	Cồn y tế đạt 90 độ. Trong suốt, không màu, có mùi cồn đặc trưng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015	Lít	40
18	Đầu côn vàng	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khía) hoặc đầu tip sần (có khía). Không vô trùng Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml) Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Cái	1.000
19	Đầu côn xanh	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip trơn (không khía) hoặc đầu tip sần (có khía). Không vô trùng Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml) Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Cái	3.000
20	Dây thở oxy (người lớn)	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000 mm, đường kính ngoài ≥ 5 mm, lòng ống có khía chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài ≥ 500 mm. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014	Cái	100
21	Điếu ngải	Thành phần: Ngải nhung đặc chế, hương liệu dược thảo, tinh dược bí truyền. Sản phẩm cháy lâu, nóng bền, không rớt tàn.	Điếu	5.000
22	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm, chất tạo màu, hương liệu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Lít	600

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
23	Gạc cầu	Sản xuất từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Không có độc tố, đã được giặt sạch, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Kích thước: Fi 30 x 2 lớp, vô trùng. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp PE, một lớp bằng bao bì giấy. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Gói	400
24	Gạc Phẫu thuật 10x12 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Sợi săn chắc, trắng, mềm mại. Dùng trong y tế, dùng đắp vết thương, vết mổ cầm máu. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hoà tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Gói	1.200
25	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và phủ bột chống dính. Găng dùng 1 lần, dùng được cho cả tay trái và tay phải. Chiều dài tối thiểu 240mm. Mức độ bột tối đa (mặt trong chiếc găng): 10mg/dm ² Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hoá: ≥7,0N. Sau già hoá: ≥6,0N. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hoá: 650%. Sau già hoá: 500% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Đôi	35.000
26	Găng phẫu thuật tiệt trùng các số	Sản xuất từ cao su tự nhiên, có ly tâm nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Hàm lượng Protein ≤200µg/ dm ² . Mức độ nhiễm tĩnh điện <100V. Lượng bột bôi trơn (mặt trong chiếc găng): max 80mg/ đôi. Có các cỡ 6.5-7.0-7.5- 8.0. Bề dày min 0.18mm, chiều dài min 280mm, chiều rộng lòng bàn tay size 6.5: 83±5mm, 7: 89±5mm, 7.5: 95±5mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Đôi	25.000
27	Gel siêu âm	Gel trong, đồng chất, không có vật lạ. Tan hoàn toàn trong nước. Không gây kích ứng trên da - Độ PH: 4,0-8,0. - Giới hạn kim loại nặng: ≤ 10 Pmm - Giới hạn arsen: ≤ 10pmm - Formaldehyd: không có - Quy cách: can 5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Can	10
28	Giấy ghi điện tâm đồ 12 cần	Giấy điện tim 12 cần. Kích thước 210x140x200 tờ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Tập	40
29	Giấy ghi điện tâm đồ 6 cần	Kích thước: 110mm x 140mm x 142 tờ, loại có dòng kẻ, dạng tập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Tập	80
30	Giấy in máy nước tiểu	Kích thước: 57mm x 30m x 12mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cuộn	30
31	Giấy in siêu âm đen trắng ACCUCHAR	Dạng cuộn, chiều rộng 110mm, chiều dài 20m. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Giấy in dành cho máy in y tế Sony. Khả năng chống	Cuộn	80

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		nước cao. Bản in chất lượng và độ bóng cao. Tái thiết lập thang xám và bề mặt giấy chống tích điện. Giấy có độ cong bé, tính năng xé giấy dễ dàng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		
32	Khẩu trang y tế 3 lớp (1 cái/túi)	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn: FDA, EN ISO 13485:2016; EN ISO 11135: 2014, ISO 9001 :2015, CE.	Cái	65.000
33	Kim cấy chỉ (chỉ liên kim tự tiêu/chỉ phẫu thuật tự tiêu)	Kim cấy chỉ (chỉ liên kim) các loại, các cỡ - Kích thước kim : từ 22G - 30G - Chiều dài kim : 15mm - 45mm - Chiều dài chỉ : 12mm - 80mm - Đường kính chỉ : 6/0 - Kim nhọn, sợi chỉ đơn. Sợi chỉ xoắn nhẹ quanh thân kim	Cái/Sợi	6.000
34	Kim khâu cứu vô trùng sử dụng một lần	Kim khâu cứu vô trùng dùng một lần, Thân kim được chế tạo bằng sợi thép y tế không gỉ loại 06 Cr19Ni10 (SUS 304). Cán kim được cuốn bằng sợi thép y tế không gỉ, các vòng xoắn tròn đều và khít, không có khoảng cách, Công nghệ tiệt trùng E.O.G. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA	Cái	620.000
35	Kim lấy thuốc các số 18G, 20G, 23G - MPV	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014.	Cái	10.000
36	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cửa	<ul style="list-style-type: none"> • Kim luồn tĩnh mạch, không cánh, không cửa, 2 đường cản quang. • Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim làm từ thép không gỉ, phủ 1 lớp silicon, sắc bén với ba mặt vát. • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. • Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác. • Dễ sử dụng. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10291: 16G: 1.7x45mm - 200ml/min 10293: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min 10295: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min 10296: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min 10297: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min	Cái	23.000
37	Kim quang dẫn laser nội mạch	Sản phẩm được làm từ chất liệu ETFE nên mềm, dẻo và có thể giữ được song song với mạch máu, ít có khả năng làm tổn thương tĩnh mạch hơn so với kim làm bằng thép. Sợi quang loại đơn mode, đường kính 0,5mm, chiều dài 41mm. Kim chui chiều dài 25mm, màu tím đậm làm bằng nhựa. Nắp bảo vệ dạng hình	Cái	23.000

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		trụ, dài 60mm, nắp ống nhựa trong suốt. Đóng gói trong hộp giấy, được khử trùng bằng bức xạ để đảm bảo không có vi khuẩn và chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		
38	Mũ phẫu thuật không vô trùng	Sản phẩm làm từ vải không dệt Polypropylen cao cấp, có thiết kế lỗ nhỏ thoáng khí, đảm bảo sự thông thoáng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	60.000
39	Ống đựng mẫu huyết thanh có nắp 2ml	Ống nghiệm nhựa kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Nắp màu đỏ, không chứa hoá chất. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	500
40	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA nắp nhựa	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	8.000
41	Ống nghiệm lấy máu Lithium Heparin nắp nhựa	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcoool trong máu.Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	8.000
42	Ống nghiệm thủy tinh D16 x 160	Thủy tinh trong suốt, không vạch chia, ống trơn. Kích thước (mm): 16 x 160 x 0.6 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	1.000
43	Phim dùng cho chụp X- quang y tế (20x25cm)	Kích cỡ: 20x25cm Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Quy cách đóng 100phim/ hộp. Sử dụng cho các dòng máy in nhiệt Fujifilm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Tờ	3.000
44	Sáp Parafin	Sản phẩm dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị, không hoà tan trong nước Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015	Kg	500
45	Viên nén khử khuẩn	Thành Phần hàm lượng hoạt chất: • 50% W/W :Natri dichloroisocyanurate (NADCC)/Troclorone Sodium. • Sodium Bicarbonate: 24% • Adipic Acid: 21% • Sodium Sulphate: 5%	Viên	6.000

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Độ pH trung tính Khả năng phân rã ≤7 phút trong 500ml dung dịch - Độ cứng ≥49N - Trọng lượng viên: 3,25g /viên Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		
46	Bộ tiểu phẫu ngoại khoa	Chất liệu: Thép không gỉ. Bộ 24 chi tiết Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO 9001, CE. Năm sản xuất thiết bị: 2025 trở về sau. Mới 100%	Bộ	5
47	Bộ trung phẫu ngoại khoa	Chất liệu: Thép không gỉ. Bộ 27 chi tiết Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO 9001, CE. Năm sản xuất thiết bị: 2025 trở về sau. Mới 100%	Bộ	2
48	Cốc xông ngải cứu	Sử dụng cùng với điều ngải cứu Cấu tạo gồm cốc sứ/thủy tinh/gỗ có gắn đinh, phía dưới có các lỗ thoát khí, được sử dụng kèm với ngải đoạn	Cái	30
49	Đèn hồng ngoại	Công suất: 220V/60W –250W Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn. Có chức năng Dimmer tăng giảm độ nóng, ứng dụng chiều sâu hoặc rộng, tăng hiệu quả điều trị Dây nguồn: 2m8 - 3m Chiều cao: từ 1m – 1,7m Cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ Đuôi đèn E27 sử dụng nhiều loại bóng đèn. Độ bền cao Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	30
50	Hộp đựng bông cotton	Chất liệu: thép không gỉ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	20
51	Huyết áp + ống nghe	Đồng hồ chuẩn vạch chia từ 20-300mmHg, độ chính xác +/- 3mmHg, quả bóp làm bằng chất liệu cao su chống oxy hóa có độ bền cao, đồng hồ áp lực hiện thị áp suất chuẩn. Ống nghe có độ truyền âm chất lượng cao, bộ khuếch đại âm thanh bằng chất liệu Aluminium, ống dẫn bằng chất liệu cao su đã nhiệt đới hóa, nghe êm, không đau tai. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Bộ	65
52	Lưỡi dao 11, 21	Lưỡi dao được làm từ thép carbon hoặc thép không gỉ. Các cỡ 11,21. Được đóng gói trong túi giấy bạc riêng lẻ, tiệt trùng bằng tia gamma. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	2
53	Máy điện châm	Các loại sóng xung: sóng liên tục, dày đặc, từng hồi, lẫn lẫn, tần số thờ Tần suất điều chỉnh: (10+/-3) đến (50+/-10) lần/ phút. Nguồn điện DC9V hoặc 220V/110V Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	100
54	Xe tiêm 2 tầng	Chất liệu : Inox 304/ inox 201/ inox 430 - Kích thước: Dài x Rộng x Cao (650x450x800mm) (±5%) - Khung xe bằng hộp 20x20x0.8mm - Mặt xe bằng inox tấm gấp hình chữ nhật được dập liền thành khay - Toàn bộ mặt xe được bao quanh bởi 4 lan can hộp	Cái	2

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		10x10x0.8mm cao 50mm. - Xe có 4 bánh Ø65, 2 bánh có khóa hãm, 2 bánh trơn - Toàn bộ xe được hàn theo công nghệ hàn Tig và được đánh bóng đạt tiêu chuẩn - Xe có thể lắp ghép hoặc tháo rời Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		
55	Xe tiêm 3 tầng	Chất liệu : Inox 304/ inox 201/ inox 430 - Kích thước: Dài x Rộng x Cao (650x450x900mm) (±5%) - Khung xe bằng hộp 20x20x0.8mm - Mặt xe bằng inox tấm gấp hình chữ nhật được dập liền thành khay -Toàn bộ mặt xe được bao quanh bởi 4 lan can hộp 10x10x0.8mm cao 50mm. - Xe có 4 bánh Ø65, 2 bánh có khóa hãm, 2 bánh trơn - Toàn bộ xe được hàn theo công nghệ hàn Tig và được đánh bóng đạt tiêu chuẩn - Xe có thể lắp ghép hoặc tháo rời Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	5

DANH MỤC KHÍ OXY Y TẾ VÀ VẬT TƯ LIÊN QUAN

(Kèm theo Thư mời số /TM-ĐKYDCT, ngày 07 tháng 11 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Điện cực oxy(chuyên dùng cho buồng oxy cao áp)	(Chuyên dùng cho buồng oxy cao áp) Chất liệu: Bên ngoài bằng nhựa, bên trong bằng sắt, nối với các dây mạch điện. Điện áp cao nhất: 30KV Điện áp làm việc: 0-10KV Vật liệu: chịu nhiệt chịu áp lực lớn nhất 20KV	Cái	2
2	Khí Oxy y tế nạp trong bình 40 lít	Không mùi, không màu, khí nén hoặc hóa lỏng, độ tinh khiết trên 99,5%, áp suất nạp theo yêu cầu thiết bị, vỏ bình theo tiêu chuẩn quốc gia. Bình 40 lít. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Bình	2.400
3	Mask (mặt nạ) thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	- Chất liệu: Nhựa PVC. - Mask thở gồm: 01 chụp mask và 01 dây chun Chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Cái	1.200

DANH MỤC SINH PHẨM VÀ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Thư mời số /TM-ĐKYDCT, ngày 07 tháng 11 năm 2025
của Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bóng đèn cho máy sinh hóa 35W	Công suất 35W Kiểu bóng: Halogen	Cái	2
2	Dây bơm hóa chất nhu động	Cấu tạo: Bằng nhựa	Chiếc	2
3	Dây bơm huyết học	Dạng vật liệu: TPE Độ cứng: 64 Shore A Hấp tiết trùng: Có Tiệt trùng bằng tia Gamma: Có Nhiệt độ tối thiểu: -40°C Nhiệt độ tối đa: 135°C	Chiếc	1
4	Dung dịch phá hồng cầu Hemolynac	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	Can	12
5	Dung dịch pha loãng Isotonac 3	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	Can	26
6	Dung dịch rửa Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	Can	4
7	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Phân loại hóa chất hỗn hợp. + Ăn mòn Kim loại (Nhóm 1), H290 + Kích ứng da (Nhóm 2), H315 + Kích ứng mắt (Nhóm 2), H319 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 - Đóng gói: Can 2,5 lít / can	Can	5

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
8	Hóa chất định lượng Albumin	Thành phần hoạt chất: Citrate buffer pH 4.2: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x 50 mL / hộp Dãi đo: 6 g/dL Giới hạn tối thiểu phát hiện: 0,1 g/dL	Hộp	5
9	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Thành phần hoạt chất: Thuốc thử R1: Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L; Ethylene Glycol; Dimethylsulfoxide (DMSO) Thuốc thử R2: Sodium Nitrite: 22 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50ml R1, 4x12,5ml R2 Dãi đo: 20mg/dL	Hộp	4
10	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Thành phần hoạt chất: R1 / Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L, R2 / Sodium Nitrite: 109 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50ml R1, 4x12,5mlR2 Dãi đo: 20mg/dL	Hộp	4
11	Hóa chất định lượng Calci	Thành phần hoạt chất: Thuốc thử R1: pH 10.7; Ethanolamine: 750 mmol/L; Thuốc thử: R2 pH 1.1; o-Cresolphtalein complexone: 0.13 mmol/L; 8-Hydroxychinoline: 35 mmol/L; Hydrochloric acid: 100 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50ml R1, 8x12,5mlR2 Dãi đo: 0.2 – 20 mg/dL (0.05 – 5.0 mmol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 0.2 mg/dL (0.05 mmol/L)	Hộp	2
12	Hóa chất định lượng Cholesterol	Thành phần hoạt chất: Good 's buffer pH 6.7 : 50 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantiprine : 0.3 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE) : ≥ 200 U/L; Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 50 U/L; Peroxidase (POD) : ≥ 3 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50m Dãi đo: 3 – 750 mg/dL (0.08 – 19.4 mmol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 3 mg/dL (0.08 mmol/L)	Hộp	7
13	Hóa chất định lượng Creatinine	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L Hóa chất R2: Picric Acid: 20 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5mlR2 Dãi đo: 0.2 – 15 mg/dL (18 – 1330 μ mol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 0.2 mg/dL (17.7 μ mol/L)	Hộp	7
14	Hóa chất định lượng GGT	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Glycylglycine: 135 mmol/L; Tris pH 8.28: 135 mmol/L. Hóa chất R2: L-Gamma-Glutamyl-3-Carboxy-4 Nitroanilide pH 6.0: 22 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50mlR1, 4x12,5mlR2 Dãi đo: 1200 U/L. Giới hạn tối thiểu phát hiện: 2 U/L	Hộp	5
15	Hóa chất định lượng Glucose	Thành phần hoạt chất: Phosphate buffer pH 7.5: 250 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4 Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glucose Oxidase (GOD): ≥ 10 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 1 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50ml Dãi đo: 1 – 400 mg/dL (0.06 – 22.2 mmol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 1 mg/dL (0.06 mmol/L)	Hộp	6

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
16	Hóa chất định lượng GOT	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris pH 7.8: 110 mmol/L; L Aspartate: 340 mmol/L; MDH: 0.5 kU/L; LDH: 1.1 kU/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50mlR1, 4x12,5mlR2 Dãi đo: 700 U/L Giới hạn tối thiểu phát hiện: 4 U/L	Hộp	13
17	Hóa chất định lượng GPT	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris, pH 7.5: 138 mmol/L; L Alanine: 709 mmol/L; LDH: 1500 U/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50mlR1, 4x12,5mlR Dãi đo: 600 U/L Giới hạn tối thiểu phát hiện: 4 U/L	Hộp	13
18	Hóa chất định lượng HDL	Thành phần hoạt chất: Hoá chất R1: Buffer pH 6.85: 20 mmol/L Peroxidase (POD): ≥ 2000 U/L N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5 dimethoxyaniline sodium salt (H-DAOS): ≥ 0.7 mmol/L Anti human β -lipoprotein Ab. (sheep) Hoá chất R2: Buffer, pH 8.15: 20 mmol/L Cholesterol esterase (CHE): ≥ 400 U/L Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 700 U/L Peroxidase (POD): ≥ 15000 U/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 1.5 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Dãi đo: 200 mg/dL Giới hạn tối thiểu phát hiện: 3 mg/dL	Hộp	18
19	Hóa chất định lượng LDL	Thành phần hoạt chất: Hoá chất R1: Buffer pH 6.65: 20mmol/L Peroxidase (POD): ≥ 2000 U/L N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5 dimethoxyaniline (H-DAOS): ≥ 0.7 mmol/L Hoá chất R2: Buffer pH 8.15: 20mmol/L Cholesterol esterase (CHE): ≥ 2000 U/L Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 2000 U/L Peroxidase (POD): ≥ 15000 U/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 1.5 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Dãi đo: 500 mg/dL Giới hạn tối thiểu phát hiện: 4 mg/dL	Hộp	26
20	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium hydroxide: 100 mmol / L; Potassium sodium tartrate: 17 mmol / L Hóa chất R2: Sodium hydroxide: 500 mmol / L; Potassium sodium tartrate: 80 mmol / L; Potassium iodide: 75 mmol / L; Copper sulphate: 30 mmol / L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5ml R2 Dãi đo: 14 g/dL Giới hạn tối thiểu phát hiện: 0.05 g/dL	Hộp	3
21	Hóa chất định lượng Triglycerides	Thành phần hoạt chất: Good's buffer pH 7.2: 50 mmol/L; 4 Chlorophenol: 4 mmol/L; Mg ²⁺ : 15 mmol/L; ATP: 2 mmol/L; Glycerolkinase (GK): ≥ 0.4 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 2 kU/L; Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 2 kU/L; 4 Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glycerol-3 phosphate-oxidase (GPO): ≥ 0.5 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50ml	Hộp	7

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Dải đo: 2 – 1000 mg/dL (0.02 – 11.3 mmol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 2 mg/dL (0.02 mmol/L)		
22	Hóa chất định lượng Ure UV	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris buffer pH 7.8: 150 mmol/L; 2 oxoglutarate: 9 mmol/L; ADP: 0.75 mmol/L; Urease: ≥ 7 KU/L; GLDH (Glutamate dehydrogenase, bovine): ≥ 1 KU/L Hóa chất R2: NADH: 1.3 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5ml R2 Dải đo: 2 – 300 mg/dL (0.3 – 50 mmol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 2 mg/dL (0.3 mmol/L)	Hộp	8
23	Hóa chất định lượng Uric Acid	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; TBHBA: 1.25 mmol/L; Hóa chất R2: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 1.5 mmol/L; K ₄ [Fe(CN) ₆]: 50 μ mol/L; POD: ≥ 10 kU/L; Uricase: ≥ 150 U/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Dải đo: 0.07 – 20 mg/dL (4.2 – 1190 μ mol/L) Giới hạn tối thiểu phát hiện: 0.07 mg/dL (4.2 μ mol/L)	Hộp	8
24	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức 2	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa tối thiểu 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 300mOsm/kg. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	Lọ	27
25	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa mức 3	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa tối thiểu 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 370mOsm/kg. Ổn định đến hạn sử dụng khi bảo quản ở 2°C - 8°C. Sau khi hoàn nguyên mẫu ổn định trong vòng 7 ngày ở 2°C - 8°C hoặc 28 ngày ở - 20°C	Lọ	27
26	Hóa chất nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, phù hợp cho cả xét nghiệm POCT, chứa 13 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Ổn định sau khi mở lọ trong 30 ngày hoặc nhúng 20 lần que thử vào lọ mẫu tại 2-25°C	Lọ	3
27	Hóa chất nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, phù hợp cho cả xét nghiệm POCT, chứa 13 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Ổn định sau khi mở lọ trong 30 ngày hoặc nhúng 20 lần que thử vào lọ mẫu tại 2-25°C	Lọ	3
28	Máu chuẩn dùng kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức cao	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	Lọ	6
29	Máu chuẩn dùng kiểm	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu	Lọ	7

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	chuẩn máy phân tích huyết học mức trung bình	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE		
30	Ống đo tốc độ máu lắng	Ống thủy tinh chân không 8x120 mm chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%) -Thể tích mẫu: 1.28mL -Nút cao su butyl đảm bảo duy trì chân không -E-Beam Hồng ngoại	Ống	1.200
31	Sample cup 2ml	Cấu tạo: bằng nhựa - Dung tích 2 ml Quy cách: Túi 1.000 cái	Túi	1
32	Tets xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số:Protein: 15-30mg/dL albuminBlood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobinLeukocyte: 5-15Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ionGlucose: 75-125mg/dLKetone: 5-10mg/dL acetoacetic acidpH: 4.6- 8.0SG: 1.001-1.035Bilirubin: 0.4-0.8mg/dLUrobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Quy cách: Hộp 100 test	Hộp	90
33	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng tốc độ máu lắng	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, mức nồng độ 1 - Thành phần: hồng cầu của người trong huyền phù - Dạng dung dịch - Giám sát độ chính xác của cả phương pháp thủ công hoặc tự động để đo tốc độ máu lắng - Có giá trị cho hơn 20 phương pháp thủ công và tự động, bao gồm cả Westergren và Wintrobe - Độ ổn định sau khi mở nắp là 31 ngày khi bảo quản ở 18-30° C - Hạn sử dụng 540 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 18-30° C	Lọ	4
34	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng tốc độ máu lắng	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, mức nồng độ 2 - Thành phần: hồng cầu của người trong huyền phù - Dạng dung dịch - Giám sát độ chính xác của cả phương pháp thủ công hoặc tự động để đo tốc độ máu lắng - Có giá trị cho hơn 20 phương pháp thủ công và tự động, bao gồm cả Westergren và Wintrobe - Độ ổn định sau khi mở nắp là 31 ngày khi bảo quản ở 18-30° C - Hạn sử dụng 540 ngày kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 18-30° C	Lọ	4